TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **70**/2024/HS-ST
Ngày 30 -7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khơi
2. Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quang Anh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 18/3/2024, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 12/TB-HS ngày 01/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HS ngày 26/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HS ngày 24/5/2024, Thông báo tạm ngừng phiên toà số 02/TB-HS ngày 21/6/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 37/2024/QĐST-HS ngày 26/6/2024 và Thông báo về thời gian, địa điểm tuyên án số 354/TB-HS ngày 25/7/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PVT**, sinh năm 1986; nơi cư trú: TN, xã NH, huyện YD, tỉnh BG; nghề ngH: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông PVT, sinh năm 1960 và bà NTM, sinh năm 1963; vợ là TTH, sinh năm 1993; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 17/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

2. Họ và tên: **NVT**; sinh năm 1988; nơi cư trú: TQ, xã TS, huyện VY(nay là thị xã VY), tỉnh BG; nghề ngH: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVD, sinh năm 1954 và bà DTK, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự, nhân thân:

không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 17/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

3. Họ và tên: **PVK**; sinh năm 1986; nơi cư trú: TN, xã NH, huyện YD, tỉnh BG; nghề ngH: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông PVD, sinh năm 1956 và bà LTV, sinh năm 1956; vợ là TTH, sinh năm 1987; bị cáo có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 17/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

4. Họ và tên: **NVT**; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn TC, xã TP, huyện YD, tỉnh BG; nghề ngH: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVCg, sinh năm 1964 (đã chết) và bà LTD, sinh năm 1970; vợ là TTM, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 17/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

5. Họ và tên: **TDT**; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn H, xã TD, huyện YD, tỉnh BG; nghề ngH: tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông TTC, sinh năm 1952 và bà NTHB, sinh năm 1958 (đã chết); vợ là HTD, sinh năm 1980; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo không bị tạm, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

6. Họ và tên: **DVH**, sinh năm 1996; nơi cư trú: TN, xã NH, huyện YD, tỉnh BG; nghề ngH: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông DVT, sinh năm 1965 và bà DTT, sinh năm 1966; vợ là NTP, sinh năm 1996; bị cáo có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2013, bị Công an thành phố BG xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023 đến ngày 17/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà DTT, sinh năm 1966; địa chỉ: TN, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

- *Người bào chữa của bị cáo NVT:* Bà Võ Thị An Bình - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BG; địa chỉ liên hệ: Số 09, đường HVT, phường QQ, thành phố BG, tỉnh BG *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 09/8/2023, TDT, PVT, PVK đến nhà DVH chơi. Tại đây, T, K, T cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng, sát phạt nhau bằng tiền. H không ngăn cản mà đồng ý cho mọi người đánh bạc và đưa T, T, K lên tầng 3 nhà H để đánh bạc. Khi lên tầng 3 nhà H, đã có 01 chiếc chiếu cói, ở dưới chiếu cói có 01 chiếc chiếu tre đã trải sẵn và 01 bộ bài tú lơ khơ để trên chiếu.

Cách thức đánh bạc được quy định như sau: Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, một người chơi sẽ chia cho những người chơi còn lại mỗi người 03 quân bài, trước khi lên bài, mỗi người chơi đặt số tiền cược là 50.000 đồng ra giữa chiếu gọi là tiền "gà". Sau khi đặt tiền cược xong, người chơi lên bài tính điểm. Lần lượt theo vòng tròn từ trái qua phải từ người chia bài sẽ bỏ số tiền tiếp ra để cược gọi là "tố", mức "tố" cao nhất là 500.000 đồng, thấp nhất là 50.000 đồng. Nếu người chơi tiếp theo không tố thì úp bài và mất số tiền đặt cược, người liền kề tiếp theo sẽ được quyền "tố" và ai theo "tố" thì sẽ bỏ số tiền tương ứng, ai không theo thì úp bài và mất số tiền đặt cược. Cứ như vậy cho đến khi hết vòng thì tính điểm, cách tính điểm là các quân bài từ A (át) đến 9 sẽ tương ứng với 1 đến 9 điểm, các quân bài từ 10 đến K sẽ được coi là 10 điểm (hay 0 điểm), người chơi tính điểm theo hàng đơn vị để so bài với nhau, ai cao nhất sẽ thắng, nếu bài của người chơi bằng nhau về số điểm thì sẽ so sánh về chất theo thứ tự ưu tiên giảm dần là rô, cơ, tép, bích. Nếu người nào có 3 quân bài giống nhau khác chất như 3 quân A (A-A-A), 3 quân 2 (2-2-2) hoặc 3 quân K (K-K-K)...thì được gọi là sáp, sáp là cao nhất của liêng, trong sáp thì cao nhất là 3 quân A, thấp nhất là 3 quân 2, ai được sáp thì những người còn lại phải trả cho người đó 200.000 đồng. Người nào có 3 quân bài theo thứ tự như A - 2 -3; 4- 5 -6; J - Q- K... thì được gọi là liêng, nếu liêng cùng chất thì được gọi là đồng hoa và nếu ai được đồng hoa thì những người còn lại phải trả cho người đó 100.000 đồng. Người nào có 3 quân bài bất kỳ từ J đến K nhưng không phải là sáp, không phải là liêng như J-J-K; Q-K-K ... thì được gọi là tranh ảnh. Theo quy ước của các đối tượng thì cao nhất là sáp, sau đến liêng rồi đến tranh ảnh và sau cùng là tính điểm, người nào thắng cược sẽ được toàn bộ số tiền đặt cược ban đầu, tiền "tố" và được quyền chia bài ván tiếp theo.

T, T, K đánh bạc được khoảng 10 phút thì có NVT và NVT đến nhà H cùng tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc mọi người thống nhất bỏ ra 01 ván tiền gà là 250.000 đồng và thoả thuận ai được đồng hoa thì đưa cho H 50.000 đồng, ai được sáp bỏ ra 100.000 đồng đưa cho H để mua thuốc nước cho mọi người đánh bạc. Tổng số H thu được là 600.000 đồng, H dùng mua thuốc nước cho mọi người đánh bạc hết 400.000 đồng. TDT tham gia đánh bạc được khoảng một lúc thì nghỉ không chơi nữa và đi về, K đánh bạc bị thua hết tiền nên vay T 3.000.000 đồng

để tiếp tục đánh bạc, T bị thua bạc đã chuyển khoản đổi tiền mặt với H để tiếp tục đánh bạc. H bảo T chuyển tiền vào tài khoản của bà DTTlà mẹ H rồi H gặp bà Thoa để lấy tiền mặt cho T.

T, K, T, T đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện YD phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 01 chiếu cói, 01 chiếu tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài và số tiền 14.200.000 đồng; thu giữ của H 200.000 đồng; thu giữ của K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng; thu giữ của T số tiền 8.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3. Ngày 16/8/2023, thu giữ số tiền 300.000 đồng do TDT giao nộp khi ra đầu thú.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 23.200.000 đồng (gồm 14.200.000 đồng thu trên chiếu bạc; 200.000 đồng thu của H; 8.500.000 đồng thu của T; 300.000 đồng T giao nộp).

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSYD ngày 27/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố DVH về tội *"Gá bạc"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và truy tố PVK, PVT, NVT, NVT, TDT về tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Các bị cáo không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo PVT từ 16 đến 18 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã NH giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo T bằng tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo PVK từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã NH, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giao dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo K bằng tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo NVT từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND xã TP, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời

gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo T bằng tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo NVT từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã TS, thị xã VY, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền do thuộc hộ nghèo.

+ Xử phạt bị cáo TDT từ 07 đến 08 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã TD, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung do bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo phải điều trị và có điều kiện kinh tế khó khăn có xác nhận của UBND xã TD.

- Áp dụng điểm c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo DVH từ đến 16 tháng tù đến 18 tháng tù về tội "Gá bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã NH, huyện YD, tỉnh BG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo H bằng tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đẻ xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu cói đôi, 01 chiếu tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của bị cáo T; 01 chiếc điện thoại iphone 6 của bị cáo T và số tiền 23.200.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo T, K, T, H, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo NVT gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo và xin được vắng mặt tại phiên toà: Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện YD về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo theo Cáo trạng. Khi lượng hình đề nghị Hồi đồng xét xử cân nhắc áp dụngc ho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và hoàn cảnh gia đình của bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất hoặc cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở TC dân có ích cho xã hội.

Bị cáo T nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung gì khác. Các bị cáo đều nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 09/8/2023, tại tầng 3 nhà ở của DVH, H có hành vi sử dụng nhà ở của mình cho PVT, PVK, NVT, NVT, TDT đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Đến hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện YD phát hiện đến bắt quả tang thu giữ tang vật. Tổng số tiền T, K, T, T, T sử dụng để đánh bạc là 23.200.000 đồng. H không tham gia đánh bạc nhưng có hành vi sử dụng nhà ở của mình cho T, K, T, T, T đánh bạc và thu số tiền 600.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo PVT, NVT, PVK, NVT, TDT đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo DVH đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Gá bạc*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố các bị cáo về các tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo H thấy các bị cáo T, K, T rủ nhau đánh bạc nhưng không ngăn cản mà còn cho đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị chiếu, bài cho các bị cáo này đánh bạc. Các bị cáo T, K, T, T, T biết đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4.2] Xét tính đồng phạm, vị trí, vai trò của các bị cáo thấy:

Đối với bị cáo DVH phạm tội độc lập về hành vi "Gá bạc" nên không có đồng phạm trong vụ án và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo T, T, K, T, T cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất phương thức, phân công nhiệm vụ cụ thể với nhau từ trước nên vụ án chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo có sự khác nhau nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, vị trí, vai trò của từng bị cáo, cụ thể: Bị cáo T là người rất tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo số tiền bỏ ra đánh bạc nhiều nhất nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác.Vai trò thứ hai là bị cáo NVT với tổng số tiền đánh bạc là 3.000.000 đồng nhưng thắng bạc và số tiền thu được trên người bị cáo khi bị bắt tổng là 8.500.000 đồng cho thấy bị cáo rất tích cực trong việc tham gia đánh bạc, hơn nữa bị cáo còn là người chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân cho các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Vai trò thứ ba là bị cáo K với số tiền đánh bạc là 4.400.000 đồng và bị cáo T (mặc dù bị cáo T chỉ sử dụng số tiền đánh bạc là 470.000 đồng nhưng ngoài hành vi trực tiếp đánh bạc thì bị cáo còn có hành vi giúp sức tích cực cho người khác đánh bạc khi đã cho bị cáo K vay số tiền 3.000.000 đồng để bị cáo K đánh bạc). Bị cáo T sử dụng số tiền 350.000 đồng để đánh bạc và nghỉ trước, thời gian đánh bạc không nhiều nên bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[4.3] Xét về nhân thân thấy: Các bị cáo T, K, T, T, T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo H tuy năm 2013 bị Công an thành phố BG xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng đến thời điểm phạm tội lần này (ngày 09/8/2023) bị cáo đã được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[4.4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo T, K, T, T, T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T đầu thú; bị cáo H có bác ruột là liệt sỹ hiện đang được bố đẻ bị cáo thờ cúng. Nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự như sau: bị cáo H được áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2; các bị cáo T, K, T được áp dụng điểm i, s khoản 1; các bị cáo T, T được áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H sau khi phạm tội đã bị tai nạn giao thông nên tình hình sức khoẻ bị cáo suy giảm nhiều (bị cáo bị vỡ xương má và xương hàm, phải phẫu T điều trị bằng phương pháp nẹp vít hợp kim và hiện vẫn đang phải tiếp tục điều trị lâu dài, có giấy chứng nhận phẫu T và giấy ra viện của Bệnh viện VDvà Bệnh viện RHMTU). Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thấy các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân biết T thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về việc áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc với ý thức sát phạt và kiếm tiền bằng con đường bất chính nên cần áp dụng quy định tại khoản 3 điều 321 và khoản 3 Điều 322 để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo T thộc hộ nghèo, bị cáo T bị bệnh hiểm nghèo đang phải điều trị và có điều kiện

kinh tế khó khăn (đã được UBND xã TD xác nhận) nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với hai bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếu cói đôi, 01 chiếu tre, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của bị cáo T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của bị cáo T là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc vào việc rủ nhau đánh bạc và số tiền 23.200.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 Pro Max của bị cáo PVK không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3 của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với bà DTTlà người đã đổi 10.000.000 đồng tiền mặt cho bị cáo T dùng để đánh bạc: Quá trình điều tra đã xác định được bà Thoa không biết H đổi tiền cho T để T đánh bạc, không biết các bị cáo đánh bạc tại tầng 3 nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà Thoa.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo H, T, K, T, T phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo T thuộc hộ nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T là phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[9] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo PVT, PVK và NVT.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NVT và TDT.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo DVH.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 *(đối với các bị cáo PVT, PVK, NVT, TDT)* và điểm đ khoản 1 Điều 12 *(đối với bị cáo NVT)* của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo PVT **01** *(Một)* năm **06** *(Sáu)* tháng tù về tội *"Đánh bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **03** *(Ba)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo PVT cho Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo PVT số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1.2. Xử phạt bị cáo NVT **01** *(Một)* năm **03** *(Ba)* tháng tù về tội *"Đánh bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** *(Hai)* năm **06** *(Sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo NVT cho Uỷ ban nhân dân xã TS, thị xã VY, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Xử phạt bị cáo PVK **01** *(Một)* năm tù về tội *"Đánh bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** *(Hai)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo PVK cho Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo PVK số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1.4. Xử phạt bị cáo NVT **01** *(Một)* năm tù về tội *"Đánh bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** *(Hai)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo NVT cho Uỷ ban nhân dân xã TP, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo NVT số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1.5. Xử phạt bị cáo TDT **07** *(Bẩy)* tháng tù về tội *"Đánh bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **01** *(Một)* năm **02** *(Hai)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo NVT cho Uỷ ban nhân dân xã TD, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.6. Xử phạt bị cáo DVH **01** *(Một)* năm **06** *(Sáu)* tháng tù về tội *"Gá bạc"* nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **03** *(Ba)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2024). Giao bị cáo DVH cho Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện YD, tỉnh BG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo DVH số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* để sung quỹ nhà nước.

1.7. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếu cói đôi; 01 (Một) chiếu tre và 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

2.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của NVT; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 của PVT và số tiền 23.200.000 đồng *(Hai ba triệu hai trăm nghìn đồng)*.

3. Về án phí:

3.1. Các bị cáo PVT, PVK, NVT, TDT và DVH mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo NVT.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng